**Bài 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA**

**Tiết 2: Kinh tế**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

1. **Khái quát**
* 1949-1978: Công Cuộc “Đại nhảy vọt” cách mạng văn hóa và các kế hoạch 5 năm
* 1978 – nay: công cuộc hiện đại hóa, cải cách hóa mở cửa
* Năm 2018 tổng GDP đạt 13608 tit USD, đứng thứ 2 trên TG
* Cơ cấu kinh tế hay đổi tích cực: giảm tỉ trong khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III
* Đời sống nhân dân dược cải thiện, thu nhập bình quân đầu người liên tục phát triển
1. **Các ngành công nghiệp**
2. **Công nghiệp**
3. *Điều kiện phát triển*
* Thuận lợi:
* Tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản
* Tiềm năng thủy điện phát triển
* Nguồn lao động dồi dào, chất lượng phát triển
* Nguồn nguyên liệu dồi dào từ nông nghiệp, thủy sản
* Khó khăn: thiếu vốn và công nghệ
1. *Chính sách phát triển*
* Chuyển đổi từ “nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường”
* Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài
* Hiện đại hóa trong thiết bị, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ
* Cuộc sống công nghiệp mới: tập trung chủ yếu 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng
1. *Thành tựu*
* Đứng thứ 2 trên thế giới về số lượng công nghiệp (2017)
* Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 6.1% (2017)
* Chiếm ¼ giá trị sản xuất toàn cầu và 40% GDP Trung Quốc(2017)
* Số lượng nhiều ngành công nghiệp liên tục phát triển, đứng đầu thê giới: than, thép, xi măng, phân đạm,…
* Cơ cấu: đa dạng
* Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại
* Duy trì phát triển các ngành công nghiệp truyền thống
1. *Phân bố*

Tập trung chủ yếu ở miền Đông, các thành phố lớn

* Xu hướng:
* Công nghiệp hiện đại: ở các trung tâm công nghiêp
* Công nghiệp truyền thống: khắp cả nước, nhất là các vùng nông thôn
1. **Nông nghiệp**
2. *Điều kiện phát triển*
* Thuận lợi:

Nhiều động bằng châu thổ rộng lớn , đất màu mỡ

* Khí hậu đa dạng
* Nhiều sông lớn, mạng lưới sông ngòi dày đặc
* Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn
* Khó khăn
* Miền Tây: núi cao, khí hậu khắc nghiệt, sa mạc hóa
* Miền Đông: bão, lũ lụt, hạn hán
1. *Chính sách phát triển*
* Giao quyền sử dụng đát đai cho nhân dân
* Cải tạo hệ thống giao thong, thủy lợi
* Áp dụng KHKT, phổ biến giống mới vào sản xuất
* Miễn thuế nông nghiệp
1. *Thành tựu sản xuất nông nghiệp*
* Trồng trọt chiếm ưu thế, trong đó lương thực cơ vai trò quan trọng nhất nhưng ngành chăn nuối phát triển nhanh
* Tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp trung bình hằng năm giai đoạn 1978-1918: 4.49%
* Sản lượng nông sản phát triển, nhiều loại nông sản đứng thứ nhất thế giới: lương thực, bông, thịt lợn,…
1. *Phân bố*
* Tập trung chủ yếu phía Đông
* Trồng trọt:

+) Đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc: lúa mì, ngô, củ cải đường,..

+) Đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam: lúa gạo, chè, bông

* Chăn nuôi:
* Miền Đông: bò, lợn
* Miền Tây: cừu, ngựa, dê
1. **Mối quan hệ TQ-VN**
* Thiết lập quan hệ ngoại giao từ 18/1/1950
* Có mối quan hệ lâu đời và ngày càng phát triển trên nhiều lĩnh vực
* Từ 1999: quan hệ hợp tác trên 16 chữ vàng: “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai
* **B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CỦNG CỐ KIẾN THỨC:**
* **Lưu ý: Bài tập này chỉ áp dụng đối với:**
* - Các lớp đã **không** tham gia kiểm tra trực tuyến (QUIZIZZ) với giáo viên bộ môn.
* - Những học sinh nghỉ tiết có lí do, được giáo viên bộ môn chấp thuận cho làm lại.
* **Câu 1.** Ý nào sau đây **không** đúng về nền kinh tế Trung Quốc?
* A. Hiện nay, quy mô GDP đứng hàng đầu thế giới.
* B. Những năm qua, Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP vào loại cao nhất thế giới.
* C. Thu nhập bình quân theo đầu người của Trung Quốc tăng nhanh.
* D. Khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng ngày càng thu hẹp.
* **Câu 2.** Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong phát triển kinh tế – xã hội là
* A. Thu nhập bình quân theo đầu người tăng nhanh.
* B. Không còn tình trạng đói nghèo.
* C. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn.
* D. Trở thành nước có GDP/người vào loại cao nhất thế giới.
* **Câu 3.** Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính là:
* A. Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.
* B. Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.
* C. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.
* D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.
* **Câu 4.** Các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc tập trung chủ yếu ở
* A. Miền Tây.
* B. Miền Đông.
* C. Ven biển.
* D. Gần Nhật Bản và Hàn Quốc.
* **Câu 5.**Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Trung Quốc là
* A. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Quảng Châu, Trùng Khánh.
* B. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Cáp Nhĩ Tân, Thẩm Dương.
* C. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Nam Kinh, Phúc Châu.
* D. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Lan Châu, Thành Đô.
* **Câu 6.** Ngành công nghiệp nào sau đây của Trung Quốc đứng đầu thế giới?
* A. Công nghiệp khai thác than, thép, xi măng, phân đạm
* B. Công nghiệp chế tạo máy bay, than, điện, thép
* C. Công nghiệp đóng tàu, dệt, hóa chất, cơ khí
* D. Công nghiệp hóa dầu, xi măng, than, điện, dệt
* **Câu 7.** Trung Quốc đứng hàng đầu thế giới về các sản phẩm nông nghiệp nào?
* A. Lương thực, củ cải đường, thủy sản.
* B. Lúa gạo, cao su, thịt lợn.
* C. Lương thực, bông, thịt lợn.
* D. Lúa mì, khoai tây, thị bò.
* **Câu 8**  Bình quân lương thực theo đầu người của Trung Quốc vẫn còn thấp là do
* A. Sản lượng lương thực thấp.
* B. Diện tích đất canh tác chỉ có khoảng 100 triệu ha.
* C. Dân số đông nhất thế giới.
* D. Năng suất cây lương thực thấp.
* **Câu 9.** Loại gia súc được nuôi nhiều nhất ở miền Tây Trung Quốc là
* A. Bò.       B. Dê. C. Cừu.       D. Ngựa.
* **Câu 10.** Cho biểu đồ:
* 
* *Biểu đồ trên thể hiện nội dùng nào sau đây?*
* A. Cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đọan 1985 – 2012.
* B. Quy mô, cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đọan 1985 – 2012.
* C. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đọan 1985 – 2012.
* D. Giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đọan 1985 – 2012.